

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Áp dụng Điều 357 và Điều 323 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 212 và 214 của bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, mục 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 98/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty Cổ phần M**

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, D, Cầu G, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bùi Công T – C vụ: Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Cao Duy T1 – Trưởng phòng xử lý nợ Miền bắc.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn Đăng L, Nguyễn Mạnh C1, Đinh Ngọc T2 - CV XLN (ông T2 có mặt)

*** Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng C2, sinh năm 1992;**

Bà Đào Thảo L1, sinh năm 1999 ;

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Nguyễn Đăng C2 là chị Đào Thảo L1.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà **Cần Thị Thu H**, sinh năm 1968;

Ông **Nguyễn Đăng Q**, sinh năm 1962;

Cháu **Nguyễn Đào Bảo C3**, sinh năm 2021 (con anh C2, chị L1);

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Q, bà H là chị Đào Thảo L1 là anh Nguyễn Đăng C2.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Nguyễn Đăng C2 và chị Đào Thảo L1 có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty Cổ phần M trước ngày 30/10/2024, tổng số tiền còn nợ tạm tính đến 21/8/2024 là

+ Theo Hợp đồng tín dụng số LN 2207226300044 ngày 30/7/2022 là: Nợ gốc: **1.065.000.000** đồng; nợ lãi trong hạn **34.141.640** đồng; nợ lãi quá hạn **280.652.071** đồng; lãi phạt **29.932.162** đồng. Tổng là: **1.409.725.873** đồng.

+ Theo Giấy đăng ký kiêm HĐ cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản và dịch vụ Ngân hàng điện tử (LD 2223801582) ngày 24/08/2022 là: Gốc **125.765.050** đồng; lãi trong hạn **4.761.096** đồng; lãi quá hạn **56.557.385** đồng; lãi phạt **5.477.931** đồng. Tổng là **192.560.922** đồng.

+ Thẻ tín dụng : Gốc **51.995.058** đồng; lãi quá hạn **33.266.182** đồng ; lãi phạt **2.267.074** đồng. Tổng nợ **87.528.314** đồng;

Tổng ba khoản là: **1.689.815.109 đồng** (*Một tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu, tám trăm mười lăm nghìn, một trăm linh chín đồng*) trong đó: Nợ gốc: **1.241.760.108** đồng; nợ lãi trong hạn: **38.902.736** đồng; nợ lãi quá hạn: **370.475.538** đồng; lãi phạt: **27.675.167** đồng.

2.2. Anh Nguyễn Đăng C2 và chị Đào Thảo L1 tiếp tục phải trả các khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt kể từ ngày 22/8/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại:

+ Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2207226300044 ký ngày 30/07/2022,

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 18/08/2022.

+ Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm HĐ mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử” ký ngày 24/08/2022 (mục 3).

2.3. Đến hết ngày 30/10/2024, anh Nguyễn Đăng C2 và chị Đào Thảo L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ

khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu Cơ Quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Công ty, tài sản bảo đảm gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 915, tờ bản đồ số: 13 (trước là thửa số 247, tờ bản đồ số 2) tại địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội. Theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AH 835583, Sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H.01924/QSDĐ/950/QĐUB do UBND huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 20/06/2007; ngày 12/11/2020, tại Văn phòng Đ – Chi nhánh huyện T đã đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Đăng C2; chi tiết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có số công chứng: 3428/2021, quyền số 03-2021 TP/CC-SCC/HĐGD.

2.4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh C2, chị L1 đối với Công ty cổ phần M. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh C2, chị L1 vẫn phải có trách nhiệm trả hết nợ.

2.5. Về án phí: Anh NGuyễn Đăng C4 và chị Đào T3 phải chịu 31.347.000 đồng (*Ba mươi một triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*).

Hoàn trả Công ty Cổ phần M số tiền **30.000.000** đồng (*Ba mươi triệu đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0017902 ngày 13/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- THADS huyện Thạch Thất;
- TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thủy